TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 493/2017/QĐST–HNGĐ	*Quận 7, ngày 31 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự về Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" thụ lý số 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1977

Địa chỉ: 997/31/26 Trần Xuân Soạn, khu phố 3, phường T H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Kiều H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 997/31/26 Trần Xuân Soạn, khu phố 3, phường T H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 54, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thụy Kiều H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thụy Kiều H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn soá soá 78/KH, quyển số 01/2004 do Ủy ban Nhân

dân Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2004 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Phương A (nữ), sinh ngày 08/12/2007 và Nguyễn Anh T (nam), sinh ngày 06/11/2011. Cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thụy Kiều H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Nhật Phương A (nữ), sinh ngày 08/12/2007 và Nguyễn Anh T (nam), sinh ngày 06/11/2011 và ông Nguyễn Đình V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng, mỗi trẻ 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Cấp dưỡng vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng bắt đầu thi hành vào tháng 08/2017 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Cả hai khai tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Cả hai khai không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Đình V tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024071 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM; (1)
- VKSND Quận 7; (2)
- Chi cục THA DS Quận 7; (1)
- UBND Phường 09, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, VT. (4)

THẨM PHÁN
(đã ký)

Bùi Viết Bình